

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày 30 - 7 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo.

2. Ông Nguyễn Đăng Lân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hoàng – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST – DS ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị B, sinh năm 1959. (có mặt)

Địa chỉ: Số xx T, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (nay là số xx T, phường T, tỉnh Đ).

- Bị đơn: Ông Y M, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đ (nay là buôn S, xã Q, tỉnh Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Y M: Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2xxx L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (nay là số 2xxx L, phường B, tỉnh Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Cao Thị B trình bày:

Bà Cao Thị B và ông Y M có mối quan hệ thân thiết trong cuộc sống nên bà B có cho ông Y M vay tổng số tiền 237.000.000 đồng, thời hạn là 03 tháng, hết thời hạn bà B có yêu cầu ông Y M phải trả số tiền nêu trên cho bà B nhưng ông Y M cố tình không trả, cụ thể như sau:

Ngày 04/5/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 18.500.000 đồng;

Ngày 07/9/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 31.500.000 đồng;

Ngày 11/9/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 75.000.000 đồng;

Ngày 26/01/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 23/8/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 06/6/2018 (Đơn khởi kiện ghi nhầm là ngày 06/8/2018) bà B cho ông Y M vay số tiền 30.000.000 đồng;

Ngày 30/6/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 30.000.000 đồng.

Tiền lãi thỏa thuận miệng là 30%/năm.

Bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Y M trả cho bà B số tiền gốc là 237.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày khởi kiện là 308.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà B thay đổi yêu cầu về lãi, đề nghị Tòa án giải quyết lãi suất theo quy định của pháp luật là 1,67%/tháng. Tại phiên tòa bà B thay đổi yêu cầu về lãi, đề nghị Tòa án giải quyết lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

- Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Y M và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đinh Xuân T không trình bày lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có mặt tại các buổi làm việc do Tòa án triệu tập là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Y M trả cho bà Cao Thị B số tiền nợ gốc là 237.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị đơn ông Y M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Y M cư trú tại buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đ (nay là buôn S, xã Q, tỉnh Đ). Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đắk Lắk.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Y M và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đinh Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Cùng với đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Cao Thị B đã cung cấp các bản gốc Giấy nhận tiền, cụ thể:

Ngày 26/01/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn vay 03 tháng;

Ngày 23/8/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 2.000.000 đồng;

Ngày 06/6/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 30.000.000 đồng;

Ngày 30/6/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 30.000.000 đồng;

Ngày 04/5/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 18.500.000 đồng;

Ngày 07/9/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 31.500.000 đồng;

Ngày 11/9/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 75.000.000 đồng.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 129/KL-GĐKTHS ngày 23/5/2025, của Phòng giám định Kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng, thể hiện: Toàn bộ các chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Y M” cần giám định trên tài liệu A1, A2, A3 với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh ghi của ông Y M trên tài liệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh ông Y M là người đã ký trong các giấy vay nêu trên.

Vì vậy, đã có đủ cơ sở buộc ông Y M trả cho bà Cao Thị B số tiền gốc đã vay là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

[3] Về lãi suất:

Đối với khoản vay ngày 26/01/2018, ông Y M vay của bà Cao Thị B số tiền 50.000.000 đồng, hạn 03 tháng sau trả là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng tương đương mức lãi suất là 20%/năm là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà B yêu cầu tính lãi suất từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận, cụ thể:

Ngày 26/01/2018, vay số tiền 50.000.000 đồng, số tiền lãi suất được tính từ ngày vi phạm 27/04/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: 50.000.000 đồng x 10%/năm x 07 năm 03 tháng 04 ngày = 36.306.000 đồng (đã được làm tròn số).

Đối với các khoản vay ngày 23/8/2018, ngày 06/6/2018, ngày 30/6/2018, ngày 04/5/2018, ngày 07/9/2018 và ngày 11/9/2018, không thỏa thuận thời hạn và không thỏa thuận mức lãi suất phải trả là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự thì: bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Bà B cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà B yêu cầu ông Y M trả nợ cho bà B từ ngày 18/3/2024. Vì vậy, cần tính lãi từ ngày 18/3/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B yêu cầu tính lãi suất 1,67%/tháng tương đương mức lãi suất là 20%/năm là không phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà B yêu cầu tính lãi suất với mức 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận, cụ thể:

Ngày 23/8/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 2.000.000 đồng, số tiền lãi tính từ ngày 18/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 274.000 \text{ đồng}$ (đã được làm tròn số).

Ngày 06/6/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 30.000.000 đồng số tiền lãi tính từ ngày 18/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 4.108.000 \text{ đồng}$ (đã được làm tròn số).

Ngày 30/6/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 30.000.000 đồng số tiền lãi tính từ ngày 18/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 4.108.000 \text{ đồng}$ (đã được làm tròn số).

Ngày 04/5/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 18.500.000 đồng số tiền lãi tính từ ngày 18/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: $18.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 2.533.000 \text{ đồng}$ (đã được làm tròn số).

Ngày 07/9/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 31.500.000 đồng số tiền lãi tính từ ngày 18/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: $31.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 4.314.000 \text{ đồng}$ (đã được làm tròn số).

Ngày 11/9/2018 bà B cho ông Y M vay số tiền 75.000.000 đồng số tiền lãi tính từ ngày 18/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2025 là: $75.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 10.271.000 \text{ đồng}$ (đã được làm tròn số).

Như vậy, tổng số tiền lãi ông Y M phải trả cho bà Cao Thị B là 61.914.000 đồng (Sáu mươi một triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp lý nên chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Y M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: 298.914.000 đồng x 5% = 14.946.000 đồng (đã được làm tròn số).

Nguyên đơn bà Cao Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Cao Thị B là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí nên không phải đóng tiền tạm ứng án phí.

[5.2] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Chi phí giám định là 6.320.000 đồng do nguyên đơn bà Cao Thị B tạm nộp, kết quả giám định phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu mà bị đơn ông Y M phải chịu số tiền này. Bị đơn ông Y M có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn bà Cao Thị B số tiền 6.320.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 159; khoản 1 Điều 160; Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị B.

Buộc ông Y M phải có nghĩa vụ trả cho bà Cao Thị B tổng số tiền 298.914.000 đồng (Hai trăm chín mươi tám triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi suất là 61.914.000 đồng (Sáu mươi một triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Ông Y M phải chịu 14.946.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm bốn

mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Cao Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Cao Thị B là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí nên không phải đóng tiền tạm ứng án phí.

- Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Y M phải chịu 6.320.000 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định. Bà Cao Thị B được nhận lại số tiền 6.320.000 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) chi phí giám định khi thu được từ ông Y M.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Nở